

Số: 04 /HD-BTV

Gia Lai, ngày 02 tháng 6 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các nội dung thuộc nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 do Hội LHPN tỉnh được phân công chủ trì thực hiện

Căn cứ Hướng dẫn số 54/HD-ĐCT, ngày 11/5/2026 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc Thực hiện các nội dung thuộc nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, cách thức thực hiện các nội dung thuộc các nội dung thành phần do Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh được phân công chủ trì trong Chương trình, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, góp phần trực tiếp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể của các nội dung thành phần trong Chương trình.

- Phát huy tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội; vai trò nòng cốt của các cấp Hội trong tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, tham gia quản lý hợp tác xã, nâng cao năng lực kinh tế, tạo việc làm, xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ và gia đình, xây dựng môi trường sống an toàn, xanh, sạch, đẹp.

- Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp phù hợp với điều kiện, tiềm năng của địa phương; lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình; vận động xã hội tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan tới phụ nữ và trẻ em, tạo điều kiện để phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phát triển toàn diện, tham gia và thụ

hướng đầy đủ các kết quả của Chương trình.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung của Chương trình; tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành liên quan, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.

- Tổ chức triển khai đồng bộ thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ nội dung, tiến độ, kết quả đầu ra và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Việc tổ chức thực hiện cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan, trong đó Hội LHPN các cấp giữ vai trò nòng cốt; đẩy mạnh chuyển đổi số và xã hội hóa nguồn lực trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Tăng cường lồng ghép, phối hợp và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích sự chủ động, sáng tạo của địa phương trong tổ chức thực hiện, nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả, bền vững.

- Tăng cường công tác đánh giá, theo dõi, kiểm tra, giám sát; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này quy định nội dung, cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động do Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì trong khuôn khổ các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

- Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh, cấp xã và các đơn vị trực thuộc;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong phối hợp triển khai thực hiện các nội dung theo hướng dẫn;
- Cán bộ, hội viên phụ nữ, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và hải đảo.

3. Đơn vị phối hợp:

- Các Sở, ngành, cơ quan có liên quan.
- Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, xã);
- Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung theo hướng dẫn;
- Các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp thực hiện.

4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 (kể từ khi Hướng dẫn có hiệu lực) đến hết năm 2030.

III. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

- Nội dung 1 và 2 quy định tại mục IV của Hướng dẫn này được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh. Nội dung 3 quy định tại mục IV của Hướng dẫn này được triển khai tại các địa bàn được xác định theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026- 2030 và Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng nội dung hỗ trợ; phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ, hộ gia đình và cộng đồng trong tham gia thực hiện, giám sát và duy trì kết quả.

- Việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giao cho địa phương cần phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương; bảo đảm khả năng cân đối ngân sách, nguồn lực thực hiện và không làm phát sinh chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, đề án, chính sách khác.

- Đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, hoạt động, mô hình đã hoàn thành trước thời gian quy định, địa phương căn cứ nhu cầu thực tiễn, khả năng cân đối nguồn lực và quy định hiện hành để tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng và nhân rộng kết quả thực hiện trong giai đoạn Chương trình.

IV. NỘI DUNG

1. Thực hiện nội dung 03, nội dung thành phần số 08 (Hợp phần thứ nhất): Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

1.1. Nội dung 01: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”; Đề án “Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”

1.1.1. Mục tiêu

Góp phần thực hiện hiệu quả Tiêu chí 3. Phát triển kinh tế nông thôn và Tiêu chí 6. Giảm nghèo và An sinh xã hội trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030¹ thông qua hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, tham gia phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, tạo việc làm bền vững cho lao động nữ, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của địa phương và đất nước, cụ thể gồm các nội dung sau:

- Nội dung tiêu chí 3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương.

- Nội dung tiêu chí 3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương.

¹ Quyết định 51/2025/QĐ-Ttg ngày 29/12/2025 Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

- Nội dung tiêu chí 3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả.
- Nội dung tiêu chí 3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương.
- Nội dung tiêu chí 6.1: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều <2%.

1.1.2. Các chỉ tiêu

- Hằng năm, hỗ trợ nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, tiếp cận ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh cho 295 phụ nữ khởi nghiệp, hộ kinh doanh do nữ làm chủ, doanh nghiệp nữ, hợp tác xã do nữ quản lý; Hội LHPN cấp xã hỗ trợ 01 hộ kinh doanh do nữ làm chủ đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp.

- Phân đầu đến cuối năm 2030 tư vấn, hỗ trợ thành lập mới ít nhất 10 hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, điều hành; củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của 10 hợp tác xã do phụ nữ hỗ trợ thành lập; tạo việc làm ổn định cho 500 thành viên, lao động nữ trong các mô hình kinh tế tập thể do phụ nữ tham gia quản lý.

1.1.3. Nội dung thực hiện:

a. Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035” (Đề án 2415)

- Tập trung công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; xây dựng, duy trì các chuyên trang, chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên nền tảng truyền thông của Hội; giới thiệu mô hình, điển hình phụ nữ khởi nghiệp tiêu biểu đặc biệt là phụ nữ đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; tổ chức cuộc thi trực tuyến tìm hiểu chính sách liên quan đến phát triển kinh tế tư nhân, khởi nghiệp...

- Tổ chức Cuộc thi Phụ nữ khởi nghiệp theo chủ đề phù hợp từng giai đoạn, từng nhóm đối tượng; triển khai các hoạt động tư vấn trực tuyến và trực tiếp nhằm hỗ trợ hội viên, phụ nữ xây dựng, hoàn thiện ý tưởng, dự án tham gia Cuộc thi; tiếp nhận, sàng lọc, đánh giá, lựa chọn các dự án theo thể lệ Cuộc thi; đào tạo, hướng dẫn, kèm cặp, cung cấp cố vấn về kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp, quản trị kinh doanh và kỹ năng thuyết trình, gọi vốn cho các dự án tham gia.

- Tổ chức tư vấn, hướng dẫn, đào tạo nâng cao năng lực cho phụ nữ khởi nghiệp về quản trị kinh doanh, tài chính, truyền thông, marketing, phát triển thị trường...

- Hỗ trợ hoàn thiện mô hình kinh doanh; cải tiến mẫu mã, bao bì, chuẩn hóa chất lượng, xây dựng thương hiệu sản phẩm; khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững nhằm nâng cao chất lượng và quy mô sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; tổ chức trưng bày, giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm khởi nghiệp của phụ nữ với doanh nghiệp, hợp tác xã, hệ thống phân phối, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; ưu tiên sản phẩm phát huy tài nguyên bản địa, sản xuất xanh... tại khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn.

- Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tiếp cận nguồn vốn, các chính sách tài chính, tín dụng, bảo hiểm cho phụ nữ khởi nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn khởi sự kinh doanh, theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hướng dẫn thực hành khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) dành cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và các cụm dự án sinh kế bền vững của phụ nữ.

- Tổ chức truyền thông, giới thiệu các điển hình và cụm dự án sinh kế bền vững của phụ nữ; phối hợp tổ chức hội thảo, tọa đàm về phát triển mô hình của phụ nữ kinh doanh bền vững, kinh doanh áp dụng ESG.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, cụm dự án sinh kế đáp ứng yêu cầu tiếp cận hạ tầng số cơ bản, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, xúc tiến thương mại, trợ giúp pháp lý và hoàn thiện mô hình kinh doanh.

- Chú trọng bồi dưỡng trang bị kiến thức, kỹ năng công nghệ để kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học trong sản xuất, kinh doanh hỗ trợ tham gia sàn giao dịch điện tử, các hoạt động kinh doanh trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật; tham gia thanh toán điện tử, hướng tới thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phối hợp các ngành liên quan tuyên truyền, vận động hội viên phụ nữ, triển khai xây dựng mô hình “Chợ số - Nông thôn số”, mô hình “Tổ Phụ nữ kinh doanh số”, “Phụ nữ giúp nhau chuyển đổi số”.

- Hướng dẫn, hỗ trợ hộ kinh doanh do phụ nữ làm chủ đăng ký chuyển đổi thành doanh nghiệp, thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp và củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực của thành viên.

- Thí điểm xây dựng mô hình “01 phụ nữ - 01 gia đình – 01 mô hình phát triển kinh tế”².

- Nâng cao năng lực của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp trong triển khai hiệu quả hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; nâng cao năng lực giám sát, phản biện xã hội và đề xuất chính sách thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, hướng tới phát triển bền vững.

- Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết giai đoạn thực hiện Đề án; triển lãm, trưng bày kết quả hoạt động Đề án theo từng giai đoạn; biểu dương, tôn vinh phụ nữ khởi nghiệp tiêu biểu và các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực trong hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp.

b. Triển khai Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030” (Đề án 01) với các nội dung cụ thể sau:

² Là mô hình của 01 phụ nữ khởi nghiệp giữ vai trò chủ thể trung tâm trực tiếp quản lý, tổ chức và vận hành (tham gia với tư cách chủ hộ, chủ cơ sở hoặc chủ doanh nghiệp); có quyền quyết định về các vấn đề liên quan đến kinh tế trong gia đình; các thành viên gia đình được phân công lao động hợp lý, chia sẻ việc chăm sóc gia đình và hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; mô hình được hình thành phù hợp với điều kiện thực tế của phụ nữ và gia đình, bảo đảm khả năng nhân rộng, gắn với lợi thế và bảo tồn giá trị văn hoá địa phương, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế số.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, thúc đẩy hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, điều hành, tạo việc làm cho lao động nữ; phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, việc làm và tham gia các hoạt động xã hội.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ Hội các cấp về chủ trương, định hướng phát triển kinh tế tư nhân gắn với hợp tác xã và phát triển kinh tế tập thể.

- Tổ chức các hoạt động kết nối tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm do phụ nữ sản xuất, ưu tiên các sản phẩm OCOP của chủ thể phụ nữ, sản phẩm phụ nữ khởi nghiệp, sản phẩm của các hợp tác xã do phụ nữ quản lý, sản phẩm của phụ nữ, phụ nữ yếu thế, phụ nữ sinh sống tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Hỗ trợ, tư vấn thành lập mới, củng cố và phát triển hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, hợp tác xã hoạt động tại khu vực nông thôn, miền núi, gắn với sản xuất các sản phẩm chủ lực của từng vùng, địa phương, hướng tới kinh tế số, xanh, tuần hoàn; tạo nhiều việc làm cho lao động nữ; tìm kiếm các nữ sáng lập viên hợp tác xã, phát triển thành viên và củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý.

- Xây dựng và nhân rộng các hợp tác xã do phụ nữ quản lý; ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số hoạt động hiệu quả; ưu tiên hỗ trợ, phát triển sản phẩm OCOP của chủ thể³ là phụ nữ; xây dựng các mô hình phát triển vùng nguyên liệu gắn với sản phẩm OCOP, các mô hình dịch vụ du lịch trải nghiệm nông nghiệp, nông thôn gắn với vùng nguyên liệu, đặc trưng theo vùng, miền, dân tộc và các sản phẩm OCOP; hỗ trợ và nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác do phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia quản lý góp phần bảo tồn, phát huy ngành nghề truyền thống, chế biến nông sản, đặc sản địa phương gắn với du lịch văn hóa cộng đồng.

- Phấn đấu trên địa bàn tỉnh xây dựng 01 cụm dự án sinh kế - hợp tác xã⁴ do phụ nữ quản lý.

1.2. Nội dung 02: Giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em

1.2.1. Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an toàn, sức khỏe và cơ hội phát triển toàn diện cho phụ nữ và trẻ em, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; thúc đẩy tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội thiết yếu; tăng cường phòng ngừa, phát hiện sớm và hỗ trợ kịp thời, phù hợp góp phần giảm thiểu nguy cơ bạo lực, xâm hại và các yếu tố mất an toàn trong gia

³ Phối hợp góp phần thực hiện nội dung 02,04,5 và 6 thuộc nội dung thành phần số 03 về phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường do Bộ nông nghiệp và Môi trường chủ trì (Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 31/1/2026 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 -2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030).

⁴ Cụm dự án sinh kế - hợp tác xã do phụ nữ quản lý: là mô hình kinh tế tập thể được tổ chức theo cụm, trong đó các dự án sinh kế của người dân được triển khai đồng bộ và liên kết với nhau thông qua một hoặc nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý nhằm hình thành chuỗi giá trị sản xuất – chế biến – kinh doanh – tiêu thụ bền vững, nâng cao thu nhập và năng lực cộng đồng.

đình, cộng đồng và trên môi trường mạng, hướng tới xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, bền vững cho phụ nữ, trẻ em, gia đình và cộng đồng.

- Chủ động, phối hợp kịp thời hiệu quả trong phát hiện và xử lý các vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em; tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành và vận động toàn xã hội tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

- Góp phần thực hiện tiêu chí 6. Giảm nghèo và An sinh xã hội:

- + Nội dung tiêu chí 6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- + Nội dung tiêu chí 6.6. Các hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có);

- + Nội dung tiêu chí 6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm.

1.2.2 Chỉ tiêu

- Đến năm 2030:

- + Trên 80% phụ nữ và trẻ em từ 6 đến dưới 16 tuổi được trang bị kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần, sức khỏe sinh sản và kỹ năng bảo đảm an toàn trên môi trường mạng phù hợp với lứa tuổi.

- + 100% cán bộ Hội LHPN các cấp và trên 80% cán bộ công tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hoá, y tế thuộc phòng văn hoá - xã hội được tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em; phòng chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, đảm bảo an toàn thực phẩm, đảm bảo an toàn trên không gian mạng.

- + Phấn đấu xây dựng cấp tỉnh ít nhất 02 mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em” kết nối đường dây nóng 24/7; mỗi xã, phường 01 mô hình dịch vụ chăm sóc cộng đồng về hỗ trợ phụ nữ mang thai có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi; hoạt động/mô hình “Bữa ăn dinh dưỡng học đường” cho các vùng còn nhiều khó khăn, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ bữa ăn bán trú từ ngân sách nhà nước theo quy định.

- Chỉ tiêu hàng năm:

- + Phấn đấu 90% trở lên phụ nữ, trẻ em bị bạo lực, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ xã hội⁵ cơ bản hoặc tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội⁶.

- + Trên 95% Hội LHPN cấp xã tổ chức được ít nhất 03 hoạt động tuyên truyền hoặc tập huấn cho phụ nữ, cộng đồng về: giáo dục làm cha mẹ vì sự phát triển toàn diện của trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ trẻ em; phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ mất an toàn trong gia đình, cộng đồng và trên môi trường mạng.

- + 100% xã, phường tổ chức ít nhất 01 hoạt động truyền thông về bình đẳng giới, trọng tâm là tổ chức vào dịp Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

⁵Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ

⁶Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ

+ 100% xã, phường tổ chức “Tháng lắng nghe phụ nữ và trẻ em nói” gắn với “Tháng nghe dân nói”.

1.3.3. Nội dung thực hiện

a. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền cho phụ nữ, trẻ em, cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của gia đình và cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình, phòng chống xâm hại, phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn đối với phụ nữ và trẻ em; tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng làm cha mẹ, các kiến thức về bình đẳng giới, xây dựng gia đình an toàn, văn minh, hạnh phúc cho phụ nữ, trẻ em, hộ gia đình.

- Xây dựng, biên soạn, in ấn, nhân bản tài liệu, cẩm nang, các sản phẩm truyền thông; tăng cường ứng dụng công nghệ số, phát huy hiệu quả các nền tảng mạng xã hội và phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các hoạt động, chiến dịch truyền thông nhân dịp Ngày Gia đình Việt Nam (28/6), hưởng ứng Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; Tháng hành động vì trẻ em theo chủ đề hằng năm.

b. Phát hiện sớm, hỗ trợ, can thiệp và kết nối dịch vụ

- Thiết lập, duy trì và vận hành hiệu quả các kênh tiếp nhận thông tin từ tỉnh đến cơ sở (Ngôi nhà bình yên, địa chỉ tin cậy, đường dây nóng, điểm chạm đầu tiên⁷, ...); chủ động phát hiện sớm, tiếp nhận, xử lý thông tin nhanh và phối hợp với các cơ quan liên quan trong can thiệp, hỗ trợ, chuyển tuyến các trường hợp bị bạo lực, bị xâm hại, mua bán.

- Tổ chức tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội và chính sách hỗ trợ, quan tâm phụ nữ, trẻ em nghèo, khuyết tật, di cư, bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS& MN.

- Tổ chức tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý đối với các vụ việc liên quan đến bạo lực, xâm hại, mất an toàn cho phụ nữ, trẻ em; hỗ trợ kết nối dịch vụ và đồng hành trong quá trình giải quyết vụ việc, chú trọng kết nối với các dịch vụ bảo vệ phụ nữ, trẻ em, bảo trợ xã hội, trợ giúp pháp lý, tâm lý, y tế nhằm bảo đảm hỗ trợ toàn diện, liên tục và kịp thời.

- Tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hỗ trợ phụ nữ và trẻ em nghèo, dễ bị tổn thương, phụ nữ, trẻ em vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và các địa bàn đặc biệt khó khăn.

c. Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình

- Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình “Địa chỉ tin cậy” tại cộng đồng; khuyến khích xây dựng các mô hình ở cộng đồng để giải quyết các vấn đề phát sinh phù hợp với thực tế.

⁷ “Điểm chạm đầu tiên” là đầu mối tiếp nhận thông tin ban đầu từ nhiều nguồn (cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ, gia đình, cộng đồng và các cơ quan, tổ chức liên quan...) thông qua các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp như gặp mặt, điện thoại, mạng xã hội, đường dây nóng hoặc các kênh phù hợp tại địa phương.

- Cấp tỉnh tổ chức thí điểm, đánh giá và từng bước nhân rộng mô hình “Nhà an toàn cho phụ nữ và trẻ em” theo Hướng dẫn số 52/HD-ĐCT ngày 28/4/2026 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam (có hướng dẫn kèm theo).

d. Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp và mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên:

- Xây dựng, củng cố mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình và giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ công tác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hoá, y tế thuộc phòng văn hoá - xã hội, báo cáo viên, tuyên truyền viên và lực lượng nòng cốt tại cộng đồng⁸ về kiến thức, chính sách, pháp luật liên quan, kỹ năng truyền thông, tư vấn, hỗ trợ, kết nối dịch vụ, tiếp nhận và xử lý thông tin, hỗ trợ ban đầu cho nạn nhân.

- Xây dựng, phổ biến tài liệu hướng dẫn, sổ tay pháp luật, bộ công cụ tình huống nhằm nâng cao năng lực nhận diện, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực, xâm hại, mất an toàn cho phụ nữ và trẻ em, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai Chương trình “Mẹ đỡ đầu” bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn và không bỏ sót đối tượng.

e. Theo dõi, giám sát, đánh giá và xây dựng chính sách

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; theo dõi, thống kê số liệu; xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát.

- Tổ chức nắm bắt tình hình tại địa bàn; khảo sát, nghiên cứu thực tiễn làm cơ sở đề xuất, kiến nghị và điều chỉnh chính sách trong các lĩnh vực liên quan.

- Tham gia góp ý, phản biện xã hội đối với các dự thảo luật, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới; bảo đảm lồng ghép giới và quyền của phụ nữ, trẻ em trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Thực hiện nội dung 04, nội dung thành phần số 08 (Hợp phần thứ nhất): Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”⁹; vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.

2.1. Mục tiêu

- Phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ trong xây dựng gia đình tiên bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc; vun đắp, gìn giữ và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam gắn với hệ giá trị quốc gia và hệ giá trị con người Việt Nam trong bối cảnh mới, góp phần xây dựng “Mỗi gia đình - một địa chỉ hạnh phúc”, bảo vệ môi trường sống, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, thực hiện các tiêu chí về

⁸Cán bộ đoàn thể chính trị - xã hội phụ trách công tác phụ nữ, trẻ em; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, người có uy tín trong cộng đồng; nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên công tác xã hội; giáo viên, tổng phụ trách Đội; công an cơ sở và các cá nhân tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc phụ nữ, trẻ em tại cộng đồng.

⁹Tiêu chí “5 không”: Không nghèo, Không bạo lực, Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học, Không lãng phí. Tiêu chí “3 sạch”: Sạch nhà, Sạch bếp, Sạch ngõ. Tiêu chí 3 an: An toàn An tâm, An sinh.

phát triển kinh tế nông thôn, giảm nghèo, an sinh xã hội và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Góp phần thực hiện tiêu chí 6. Giảm nghèo và An sinh xã hội, trong đó trọng tâm là tiêu chí 6.4 - Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”.

2.2. Nội dung 01: Thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”: Nội hàm gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an” được cụ thể theo Phụ lục số 01.

2.2.1. Chỉ tiêu

- Chỉ tiêu hàng năm:

+ Hàng năm, Hội LHPN cấp xã vận động, hỗ trợ ít nhất 15 hộ gia đình đạt tiêu chí gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an”.

+ Mỗi Hội LHPN xã thực hiện ít nhất 01 công trình/phần việc tham gia xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

- Đến năm 2030:

+ 95% trở lên hộ gia đình được tuyên truyền, vận động thực hiện các tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”.

+ 100% cán bộ Hội LHPN các cấp và tối thiểu 80% cán bộ phụ trách các lĩnh vực liên quan thuộc các ngành y tế, công an, văn hóa, giáo dục cấp cơ sở tham gia phối hợp được bồi dưỡng về nội dung, phương pháp tổ chức thực hiện Cuộc vận động gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

2.2.2. Nội dung thực hiện

a. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

- Xây dựng, sản xuất tài liệu, sản phẩm truyền thông về Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”.

- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động phụ nữ và các hộ gia đình tích cực tham gia Cuộc vận động, chủ động giải quyết những vấn đề thiết thực của gia đình nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, trong đó tập trung vào các nội dung: *phân loại rác thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, thực hành xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình, xây dựng thói quen tiêu dùng xanh sạch hàng ngày, lựa chọn các sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn cho sức khỏe; thực hiện sản xuất, chế biến đảm bảo an toàn; tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, gìn giữ các giá trị văn hóa tốt đẹp của gia đình và thực hành thường xuyên hệ giá trị gia đình trong cuộc sống hàng ngày...*

- Tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ hộ gia đình thực hiện các tiêu chí “5 không, 3 sạch, 3 an”; phối hợp rà soát, phân loại hộ đạt, chưa đạt hoặc đạt chưa bền vững để có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

b. Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ các ngành và lực lượng nòng cốt tại cơ sở¹⁰.

¹⁰Lực lượng nòng cốt do Hội LHPN cấp tỉnh, cấp xã lựa chọn phù hợp điều kiện thực tế địa phương, ưu tiên chi hội trưởng phụ nữ, thành viên Ban chủ nhiệm mô hình, tuyên truyền viên, cộng tác viên và phụ nữ có uy tín tại cộng đồng.

- Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ các ngành có liên quan: cán bộ văn hóa, cán bộ y tế, công an..., lực lượng hội viên phụ nữ nông cốt về nội dung, cách thức tổ chức thực hiện Cuộc vận động, kỹ năng tuyên truyền, vận động, phối hợp liên ngành và tham mưu triển khai các hoạt động xây dựng gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an” góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

c. Triển khai các hoạt động nhằm hỗ trợ các gia đình đạt các tiêu chuẩn của cuộc vận động, góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh

- Hàng năm, rà soát, phân loại hộ gia đình theo mức độ đạt các tiêu chuẩn để có giải pháp tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phù hợp; ưu tiên hộ chưa đạt hoặc đạt chưa bền vững.

- Hỗ trợ phụ nữ, nhất là phụ nữ yếu thế, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn được đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, phát triển sinh kế, tiếp cận tín dụng, khởi sự kinh doanh, ứng dụng khoa học kỹ thuật và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

- Hướng dẫn, hỗ trợ hộ gia đình cải thiện điều kiện vệ sinh, môi trường sống, xây dựng, nâng cấp công trình nước sạch, nhà tiêu hợp vệ sinh, phân loại, xử lý rác thải tại nguồn, xây dựng cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ hộ gia đình chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần, nâng cao dinh dưỡng, bảo đảm an toàn thực phẩm, xây dựng nếp sống gia đình lành mạnh, văn minh.

- Kết nối, hỗ trợ hộ gia đình tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; lồng ghép, huy động nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án liên quan để hỗ trợ hộ gia đình đạt và duy trì bền vững các tiêu chuẩn.

d. Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình

- Triển khai thí điểm, đánh giá, nhân rộng mô hình gia đình “5 không, 3 sạch, 3 an”; duy trì, nhân rộng các mô hình, câu lạc bộ “Gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”, CLB “Phụ nữ sống xanh”, CLB “Nhà sạch - ngõ đẹp”, “Tuyến đường phụ nữ kiểu mẫu”, “tổ phụ nữ thu gom, phân loại rác”... , “tuyến phố kinh doanh thực phẩm an toàn”, mô hình “ruộng, vườn xanh, sạch”, mô hình “Con đường hoa”, “Hàng rào xanh”, ...

- Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

đ. Theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Cuộc vận động

- Xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Cuộc vận động.

- Biên soạn tài liệu, sổ tay, công cụ hướng dẫn; xây dựng bộ chỉ số đánh giá; tổ chức thu thập thông tin, theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

e. Sơ kết, tổng kết, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân hộ gia đình, phụ nữ tiêu biểu trong thực hiện Cuộc vận động.

- Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn làm cơ sở tham gia góp ý, phản biện xã hội và đề xuất, kiến nghị các chính sách liên quan tới thực hiện Cuộc vận động.

2.3. Nội dung 02: *Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam.*

2.3.1. Chỉ tiêu

- Chỉ tiêu hàng năm:

+ Mỗi Hội LHPN xã, phường tổ chức ít nhất 01 hoạt động truyền thông/sinh hoạt chuyên đề về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

+ Phân đầu 95% trở lên hộ gia đình được tuyên truyền, cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng về giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, hệ giá trị gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, ứng xử trong gia đình và gìn giữ, phát huy giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam...

- Chỉ tiêu đến năm 2030:

+ Phân đầu 95% trở lên cán bộ làm công tác văn hóa, gia đình, phụ nữ các cấp; báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc, dân số và phát triển; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tiền hôn nhân, vun đắp, gìn giữ và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam¹¹.

+ Phân đầu 85% trở lên hộ gia đình cam kết thực hiện bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình¹².

2.3.2. Nội dung thực hiện

a. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

- Tổ chức các hoạt động truyền thông (diễn đàn, hội thi, hội nghị, hội thảo, giao lưu, tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng...) nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân và cộng đồng về công tác gia đình, vun đắp, gìn giữ và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam, giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, ứng xử văn minh trong gia đình; phối hợp đưa giáo dục giá trị gia đình vào trường học.

- Trang bị cho các hộ gia đình kiến thức về dân số và phát triển, thực hiện các tiêu chí ứng xử trong gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tiền hôn nhân, sức khỏe tâm thần, bình đẳng giới; chú trọng các vấn đề trong bối cảnh mới như già hóa dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, duy trì mức sinh thay thế.

b. Xây dựng tài liệu, sản phẩm truyền thông và ứng dụng chuyển đổi số

- Xây dựng, biên soạn, in ấn, nhân bản tài liệu, cẩm nang, sản phẩm truyền thông.

- Tư liệu hóa các mô hình, sáng kiến, cách làm hay; xây dựng bộ tài liệu, công cụ hướng dẫn triển khai phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong truyền thông; phát huy hiệu quả các nền tảng mạng xã hội, các kênh truyền thông số nhằm lan tỏa giá trị gia đình Việt Nam, chuẩn mực ứng xử văn minh trong gia đình và các mô hình xây dựng gia đình hạnh phúc.

¹¹Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và Kế hoạch số 2074/KH-BVHTTDL ngày 17/5/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về triển khai các giải pháp thực hiện tuyên truyền về hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

¹²Quyết định số 224/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ Tiêu chí ứng xử trong gia đình.

c. Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình

- Xây dựng, duy trì, nhân rộng mô hình “CLB xây dựng gia đình hạnh phúc”; khuyến khích thí điểm xây dựng mô hình gia đình phù hợp với một số nhóm đối tượng đặc thù.

- Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hiệu quả.

d. Phát triển dịch vụ hỗ trợ gia đình: Phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình tại cộng đồng: tư vấn hôn nhân - gia đình, giáo dục làm cha mẹ, hỗ trợ tâm lý, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc trẻ em, chăm sóc người cao tuổi, chăm sóc trẻ mồ côi, trẻ bị bỏ rơi...

e. Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ làm công tác gia đình, văn hóa, công tác phụ nữ, báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp về công tác gia đình, dân số và phát triển, bình đẳng giới; kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn...

f. Theo dõi, giám sát, đánh giá và hoàn thiện chính sách:

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, đánh giá kết quả thực hiện.

3. Thực hiện nội dung 03, nội dung thành phần 03 (Hợp phần thứ hai): Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

3.1. Mục tiêu

Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến giới, khuôn mẫu giới, nâng cao quyền năng, vị của phụ nữ dân tộc thiểu số; bảo đảm phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản, sống an toàn, phát triển toàn diện góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa và phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

3.2. Chỉ tiêu thực hiện

a) Chỉ tiêu hằng năm

- Hội LHPN xã vùng đồng bào DTTS&MN hỗ trợ ít nhất 01 hộ phụ nữ DTTS thoát nghèo hoặc thoát cận nghèo đa chiều. Phấn đấu toàn tỉnh hỗ trợ ít nhất 100 hộ phụ nữ DTTS thoát nghèo hoặc thoát cận nghèo đa chiều.

- Tại địa bàn các xã có tỷ lệ sinh con tại nhà cao hơn mức trung bình của cả nước, ít nhất 95% phụ nữ mang thai được sinh con tại cơ sở y tế hoặc được cô đỡ thôn bản đỡ đẻ.

- Ít nhất 90% phụ nữ mang thai là người DTTS thuộc đối tượng được hưởng chính sách được hỗ trợ 04 gói chính sách hỗ trợ phụ nữ DTTS sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

b) Chỉ tiêu đến năm 2030

- 100% cán bộ Hội chuyên trách cấp tỉnh, cán bộ Hội LHPN xã tại vùng đồng bào DTTS&MN được tập huấn nâng cao năng lực phù hợp. Ít nhất 90% cán bộ trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, xã và ít nhất 75% cán bộ thôn, làng được tập huấn kiến thức về bình đẳng giới và nâng cao năng lực lồng ghép giới.

- 100% cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và tối thiểu 30% hội viên phụ nữ DTTS cài đặt, sử dụng Ứng dụng “Phụ nữ Việt Nam”; ít nhất 70% hội viên phụ nữ DTTS đáp ứng yêu cầu năng lực số công dân; phân đầu mỗi xã vùng đồng bào DTTS&MN thành lập 01 Câu lạc bộ “Phụ nữ số”.

- 9.000 phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia các cuộc đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn làng được tổ chức tại các địa bàn đặc biệt khó khăn.

- Ít nhất 93 Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng; ít nhất 84 Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”; ít nhất 458 “Tổ truyền thông cộng đồng” tiếp tục được duy trì, củng cố trên cơ sở mô hình hiện có.

- Thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026- 2030”, Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”, phân đầu hỗ trợ thành lập và duy trì ít nhất 05 mô hình sinh kế bền vững cho phụ nữ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo vùng đồng bào DTTS&MN; hỗ trợ giúp ít nhất 90 phụ nữ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo vùng DTTS&MN trong độ tuổi lao động có thu nhập và sinh kế ổn định.

- Trong các mô hình phát triển kinh tế (hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực, mô hình du lịch cộng đồng...), có ít nhất 5% phụ nữ DTTS tham gia.

- Ít nhất 80% gia đình DTTS có trẻ em trong độ tuổi đi học không để xảy ra tình trạng bỏ học.

- Ít nhất 90% phụ nữ DTTS trong độ tuổi lao động nhưng không biết đọc, biết viết được hỗ trợ học chữ và áp dụng được ở mức cơ bản.

- Ít nhất 40% hộ gia đình DTTS có công trình nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh và ít nhất 70% hộ gia đình DTTS có nhà tiêu hợp vệ sinh theo hướng dẫn của ngành y tế.

- Xây dựng mới và duy trì mô hình “Góc nữ sinh” tại 100% trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông nội trú vùng đồng bào DTTS&MN¹³.

3.3. Nội dung thực hiện

3.3.1. Nội dung 01: Các hoạt động thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực cho cộng đồng và cho cán bộ trong hệ thống chính trị.

a. Nâng cao năng lực cho phụ nữ, trẻ em và cộng đồng, đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ, trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng.

- Xây dựng tài liệu tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan và tập huấn hướng dẫn đến cán bộ các cấp triển khai thực hiện.

- Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách ở cấp xã và cụm thôn làng đặc biệt khó khăn (tập trung vào các vấn đề: thúc đẩy phụ nữ tham gia bình đẳng và chủ

¹³Nghị định 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030

động trong thực hiện, giám sát các chủ trương, chính sách, đồng thời đóng góp ý kiến vào các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương); khuyến khích phụ nữ tham gia các cuộc tiếp xúc cử tri và thực hành dân chủ tại cơ sở; tăng cường đối thoại giữa học sinh, nhà trường, gia đình và các cấp, các ngành, đặc biệt đối thoại thông qua hoạt động của Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi”, đảm bảo tiếng nói của trẻ em.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật; tư vấn pháp luật lưu động, trợ giúp pháp lý; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp, hòa giải viên cơ sở, tuyên truyền viên, nhân viên công tác xã hội, cộng tác viên dân số, bảo vệ trẻ em, y tế thôn bản, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, hội viên, phụ nữ và thành viên các mô hình tại cộng đồng.

- Phối hợp tổ chức các lớp xóa mù chữ cho phụ nữ, trẻ em DTTS, lồng ghép cung cấp kiến thức về kỹ thuật chăn nuôi, sản xuất, chăm sóc sức khỏe, kỹ năng sống, kỹ năng xây dựng gia đình hạnh phúc,...; tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và địa phương trong vận động học sinh DTTS đến trường, hạn chế tình trạng bỏ học và tảo hôn.

b. Nâng cao năng lực cho cán bộ nữ DTTS, cán bộ trong hệ thống chính trị về bình đẳng giới, lồng ghép giới.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, xã; kiến thức về bình đẳng giới cho Bí thư chi bộ, Tổ trưởng Tổ dân phố, Già làng, Trưởng thôn/bản, Trưởng ban công tác Mặt trận, Chi hội trưởng chi hội phụ nữ, người có uy tín trong cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tuyên truyền, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, vận động xóa bỏ hủ tục lạc hậu cho cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở, người có uy tín, nghệ nhân và các chủ thể văn hóa trong cộng đồng nhằm góp phần thúc đẩy bình đẳng giới trong đời sống văn hóa - xã hội tại địa phương.

- Tổ chức cho cán bộ đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các địa phương, địa bàn điển hình; giám sát, đánh giá kết quả hoạt động nâng cao năng lực.

c. Hỗ trợ nâng cao năng lực chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ cho phụ nữ và trẻ em người DTTS góp phần phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh quốc phòng vùng đồng bào DTTS&MN.

- Triển khai thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với xây dựng, thí điểm và vận hành CLB “Phụ nữ số”¹⁴.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn và tổ chức đào tạo, tập huấn, tư vấn kỹ thuật; hỗ trợ thành lập và vận hành các tổ/nhóm/mô hình sinh kế bền vững cho phụ nữ nghèo vùng đồng bào DTTS&MN, gắn với chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số và thực hành chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp, hội viên, phụ nữ dân tộc thiểu số và các đối

¹⁴ Mô hình Câu lạc bộ “Phụ nữ số”: tổ chức các hoạt động hướng dẫn hội viên, phụ nữ ứng dụng khoa học công nghệ cho phát triển bản thân và công việc, chăm sóc gia đình và tham gia bảo vệ đường biên mốc giới.

tượng có liên quan; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, hội viên, phụ nữ DTTS để ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tư liệu hóa và quảng bá văn hóa, di sản của dân tộc mình trên các nền tảng mạng xã hội.

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức cho phụ nữ và trẻ em trong cộng đồng về lợi ích, tầm quan trọng của chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển kinh tế xã hội; giáo dục kỹ năng số cho học sinh DTTS trong nhà trường như: sử dụng internet an toàn, phòng chống lừa đảo trực tuyến, khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ trong học tập.

- Hỗ trợ tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, Hợp tác xã ứng dụng khoa học công nghệ do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ (sau đây gọi tắt là các tổ nhóm sinh kế): Xây dựng thương hiệu; đăng ký các tiêu chuẩn theo quy định; xây dựng truy xuất nguồn gốc và tập huấn về quản lý chất lượng; hỗ trợ tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; giới thiệu và hỗ trợ kết nối với các giải pháp dịch vụ logistics và thanh toán điện tử; tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho tổ nhóm.

3.3.2. Nội dung 02: Các hoạt động thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và tập trung giải quyết có hiệu quả một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

a. Tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” thúc đẩy bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục xây dựng, duy trì, nhân rộng hoạt động của Tổ truyền thông cộng đồng (khuyến khích sự tham gia của nam giới tiên phong trong tuyên truyền).

- Triển khai tập huấn cho các cấp Hội, các Tổ truyền thông và các thành phần liên quan tại địa phương nhằm phát huy hiệu quả của Tổ truyền thông cộng đồng.

- Thực hiện các hoạt động, chiến dịch truyền thông thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” thúc đẩy bình đẳng giới (trực tiếp tại cộng đồng và trên các nền tảng mạng xã hội, các phương tiện truyền thông đại chúng, các báo, truyền hình, phát thanh tại các cấp) tập trung vào một số nội dung: Thúc đẩy bình đẳng giới, nâng cao quyền năng, vị thế của phụ nữ DTTS; Khơi dậy niềm tự hào, ý thức tự giác của phụ nữ dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn các phong tục tập quán tốt đẹp, đồng thời kiên quyết loại bỏ các tập tục lạc hậu, có hại cho phụ nữ, trẻ em; phòng ngừa, hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ, trẻ em bị bạo lực, xâm hại, mua bán; giáo dục trẻ em không bỏ học, không mù chữ, không kết hôn sớm và các kỹ năng cần thiết; tiếp cận các dịch vụ cơ bản (nước sạch, vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, nhà ở an toàn, y tế, giáo dục, tiếp cận CNTT, chuyển đổi số,...).

- Xây dựng tài liệu, ấn phẩm, sản phẩm truyền thông và số hóa tài liệu, mô hình truyền thông dưới dạng video, hình ảnh phù hợp đặc thù địa phương và từng nhóm đối tượng cụ thể.

- Tổ chức các cuộc thi tìm kiếm sáng kiến, giải pháp, mô hình truyền thông hiệu quả thay đổi “Nếp nghĩ, cách làm”; Tư liệu hóa các sáng kiến, giải pháp, mô hình hiệu quả từ cuộc thi và tuyên truyền, nhân rộng.

b. Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “Nếp nghĩ, cách làm” thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết của phụ nữ, trẻ em.

- Tiếp tục duy trì, nâng chất lượng hoặc thành lập mới và nhân rộng Câu lạc bộ (CLB) “*Thủ lĩnh của sự thay đổi*” tại các trường học và tại cộng đồng trên phạm vi các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hỗ trợ hoạt động của các CLB, bao gồm: cung cấp tài liệu sinh hoạt CLB, tập huấn cách thức vận hành CLB, trang bị một số vật dụng cần thiết cho CLB tổ chức sinh hoạt, các hoạt động truyền thông, tổ chức các cuộc thi/hội thi của các CLB; Hội thảo, diễn đàn chia sẻ, vận động, nhân rộng mô hình.

- củng cố, nâng cấp Địa chỉ tin cậy (ĐCTC) tại cộng đồng hiện có hoặc thành lập mới ĐCTC theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức tập huấn, hội thảo/diễn đàn, truyền thông, hội thi/cuộc thi, ngày hội, giao lưu chia sẻ kinh nghiệm, giải pháp nâng cao chất lượng, nhân rộng mô hình ĐCTC phù hợp với điều kiện của địa phương; biên soạn tài liệu hỗ trợ hoạt động của mô hình phù hợp với thực tế.

- Phối hợp hỗ trợ kỹ thuật, nguồn lực triển khai các công trình cấp nước và vệ sinh hộ gia đình đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn, ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, các hộ ở khu vực chưa có hoặc khó tiếp cận hệ thống tập trung, đặc biệt tại vùng khan hiếm nước; Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh cho các hộ gia đình DTTS, miền núi. Soạn tài liệu, tập huấn TOT triển khai các mô hình về nước sạch, vệ sinh.

- Phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết một số vấn đề cấp thiết cho học sinh tại các trường nội trú, bán trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền và triển khai mô hình “Góc nữ sinh”¹⁵ trong trường học.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm, bảo đảm thu nhập tối thiểu và giảm nghèo bền vững cho phụ nữ dân tộc thiểu số; khuyến khích sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong các hoạt động phát triển kinh tế gắn với văn hóa.

c. Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về thúc đẩy bình đẳng giới, giải quyết các vấn đề cấp thiết cho phụ nữ, trẻ em.

- Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về thúc đẩy bình đẳng giới, giải quyết các vấn đề cấp thiết cho phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN, số liệu thực hiện các chỉ tiêu, các mô hình.

- Tăng cường công tác thống kê số liệu tách biệt giới tại vùng đồng bào DTTS&MN: Xây dựng các chỉ tiêu thống kê tách biệt giới áp dụng cho cấp tỉnh, xã, thôn/tổ/bản; tăng cường năng lực thống kê phân tách giới cho cán bộ Hội, cán

¹⁵“Góc nữ sinh” bao gồm: Kệ đựng sản phẩm và sách tài liệu. Sách, tài liệu về tuổi dậy thì, cách chăm sóc, vệ sinh cơ thể đúng cách để các nữ sinh tìm hiểu, từ đó nâng cao kiến thức về Giới tính, Chu kỳ kinh nguyệt, Sức khỏe sinh sản, Cách vệ sinh cơ thể. Sản phẩm băng vệ sinh Diana để y tá, cán bộ y tế cấp phát cho nữ sinh trong trường hợp đột xuất.

bộ phụ trách công tác thống kê tại địa phương; cập nhật số liệu hàng năm trong các báo cáo chung.

d. Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, tổng kết thực tiễn; đề xuất chính sách và giám sát việc triển khai các chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới và tập huấn cho các cấp, các ngành liên quan.

- Thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật cho các địa bàn; Khảo sát, đánh giá các nội dung liên quan đến bình đẳng giới và báo cáo đánh giá thực hiện bình đẳng giới và giải quyết các vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách và giám sát việc triển khai chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em tại vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn về các vấn đề liên quan đến nội dung triển khai; hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

e. Triển khai một số chính sách hỗ trợ giải quyết một số vấn đề cấp thiết liên quan đến phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tiếp tục phối hợp với ngành Y tế thực hiện 04 gói hỗ trợ phụ nữ sinh đẻ an toàn và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN.

- Phối hợp với ngành Y tế hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi (quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 - [Luật Dân số 2025](#) (Luật số 113/2025/QH15), áp dụng trên toàn quốc theo lộ trình và thời điểm có hiệu lực của Luật Dân số năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

V. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN 1 (2026-2030)

1. Cơ chế tài chính: Thực hiện theo quy định hiện hành¹⁶; hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2035, giai đoạn 1 (2026-2030) và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; đồng thời tăng cường phân cấp, tạo điều kiện để địa phương chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

- Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương bố trí thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan (nếu có).

- Nguồn xã hội hoá và nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

¹⁶Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

3. Tổ chức lập và sử dụng kinh phí tại địa phương

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp và các cơ quan có liên quan chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí hằng năm và trung hạn, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phối hợp với các sở, ngành liên quan trong tổ chức triển khai và sử dụng kinh phí.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân Tộc và Tôn giáo và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm hiệu quả và không trùng lặp.

- Đẩy mạnh lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan và nguồn xã hội hóa; ưu tiên bố trí kinh phí cho địa bàn khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, các đối tượng yếu thế và các nội dung trọng tâm của Chương trình.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội LHPN tỉnh

- Ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các nội dung được giao chủ trì, các mẫu biểu báo cáo; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện tại các địa phương.

- Chủ động xây dựng và phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch hàng năm. Lồng ghép hoạt động, nguồn lực, địa bàn, đối tượng thụ hưởng vào các chương trình, đề án do Hội đang được giao chủ trì, đảm bảo sử dụng nguồn lực hiệu quả.

- Hướng dẫn Hội LHPN cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

- Tổng hợp, cập nhật tình hình triển khai và kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo TW Hội LHPN Việt Nam, UBND tỉnh, các Sở, ngành liên quan.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai các nội dung theo Hướng dẫn; quan tâm bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương; lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp và các ngành chủ động tham gia tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chủ trì, phối hợp trong Chương trình đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng cơ chế ngân sách và thẩm quyền.

- Chỉ đạo các ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ với Hội LHPN xã/phường triển khai thực hiện đảm bảo đạt các mục tiêu đề ra.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 05 năm báo cáo kết quả thực hiện các nội dung, hoạt động theo hướng dẫn về Hội LHPN tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo theo yêu cầu của Chương trình MTQG.

3. Hội Liên hiệp phụ nữ các xã, phường và các đơn vị

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả.

- Đề xuất kinh phí thực hiện từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia giai

đoạn 2026-2030; huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện các nội dung được phân công chủ trì.

- Định kỳ báo cáo Hội LHPN tỉnh, UBND cấp xã, các ban, ngành liên quan kết quả triển khai thực hiện.

Trên đây là Hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình do Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường quan tâm chỉ đạo; Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, phường và các đơn vị liên quan tham mưu tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh qua Ban Công tác Phụ nữ để nghiên cứu điều chỉnh phù hợp với thực tế.

Nơi nhận:

- TW Hội LHPN Việt Nam (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tài chính (p/h);
- UBND các xã, phường;
- Thường trực Hội LHPN tỉnh (c/đ);
- VP ĐP NTM tỉnh;
- Hội LHPN các xã, phường;
- Ban Phụ nữ Công an tỉnh;
- Hội Phụ nữ cơ quan BCH Quân sự tỉnh;
- Lưu VT, BCTPN (KTXH, BDG & CSLP).

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Ngọc Lam

